

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh số 4201229580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13/11/2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (mua bán giấy in bao bì các loại, giấy làm tập vở học sinh, giấy photocopy);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng các Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 13/11/2010 đến ngày 31/12/2011.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản**Thời gian khấu hao (năm)**

Phương tiện vận tải

6

Thiết bị dụng cụ quản lý

3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.10 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng 10% đối với mặt hàng thuốc lá.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 06/08/2011.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011
	VND
Tiền mặt	53.343.849
Tiền gửi ngân hàng	30.915.580
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.500.000.000
Cộng	3.584.259.429

6. Hàng tồn kho

	31/12/2011
	VND
Hàng hóa	1.633.486.845
Cộng	1.633.486.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	58.126.742
Cộng	58.126.742

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND
Ký quỹ bảo lãnh thanh toán	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000

9. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Mua sắm trong năm	602.488.182	20.454.545	622.942.727
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	602.488.182	20.454.545	622.942.727
Khấu hao			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	49.937.414	3.977.274	53.914.688
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	49.937.414	3.977.274	53.914.688
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	552.550.768	16.477.271	569.028.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý doanh nghiệp VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Mua trong năm	30.000.000	30.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	30.000.000	30.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	1.305.555	1.305.555
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.305.555	1.305.555
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	28.694.445	28.694.445

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.179.357
Cộng	45.179.357

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.450.938
Cộng	114.450.938

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	4.320.000
Cộng	<u>4.320.000</u>

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 13/11/2010	-	-	-
Tăng trong năm	5.390.000.000	489.080.248	5.879.080.248
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>5.390.000.000</u>	<u>489.080.248</u>	<u>5.879.080.248</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND
Phan Thị Hường	1.000.000.000
Vũ Bảo Ngân	1.000.000.000
Cao Xuân Hòa	1.000.000.000
Hồ Thị Mai Anh	1.000.000.000
Lê Xuân Hằng	1.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	390.000.000
Cộng	<u>5.390.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	539.000
- Cổ phiếu thường	539.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	539.000
- Cổ phiếu thường	539.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND	

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	489.080.248
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	489.080.248

15. Doanh thu

	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	41.756.575.184
+ Doanh thu kinh doanh thuốc lá	41.756.575.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.756.575.184

16. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND
Giá vốn kinh doanh thuốc lá	40.760.517.571
Cộng	40.760.517.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	505.523.301
Cộng	<u>505.523.301</u>

18. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	197.265.973
Cộng	<u>197.265.973</u>

19. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND
Thu nhập từ nhận hàng hóa khuyến mãi	12.171.628
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	-
Cộng	<u>12.171.628</u>

20. Chi phí khác

	Năm 2011 VND
Chi phí xuất hàng hóa hỗ trợ	7.108.600
Chi phí khác	2.006
Cộng	<u>7.110.606</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	634.668.840
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	197.265.973
Điều chỉnh tăng	197.265.973
- Chi phí lãi vay tương ứng với vốn điều lệ góp thiếu	197.265.973
Điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	831.934.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.983.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	62.395.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	145.588.592
Lợi nhuận sau thuế TNDN	489.080.248

(*) Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 06/08/2011.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	489.080.248
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	489.080.248
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	345.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.414

23. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là năm tài chính đầu tiên Công ty đi vào hoạt động.



Giám đốc

Lê Minh Hùng

TP.Nha Trang, ngày 23 tháng 4 năm 2012

Phụ trách kế toán

Phạm Quốc Phong